|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
| Số: /2021/QĐ-UBND |  | *Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO (lần 1)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư**

**có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số ……/SKHĐT-EDO ngày … tháng ….. năm 2021; Báo cáo thẩm định số …../BC-STP ngày ….. tháng …. năm 2021 của Sở Tư pháp.*

# QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** **và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định Nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc có bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng) về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ các trường hợp sau đây:

a) Nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

b) Nhà đầu tư trúng đấu thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

c) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án đầu tư đã thực hiện ký quỹ hoặc đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn theo tiến độ quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

d) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác.

2. Đối tượng áp dụng: Nhà đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo Quyết định này.

**Điều 2. Nguyên tắc chung**

1. Nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư. Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên dự án, mục tiêu, địa điểm, quy mô, vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

b) Biện pháp bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (ký quỹ hoặc bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ);

c) Các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác của các bên liên quan đến nội dung quy định này;

d) Những nội dung khác theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được trái với quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi chung là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ, tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp số tiền ký quỹ mà nhà đầu tư phải nộp trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

3. Hợp đồng bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ giữa tổ chức tín dụng và nhà đầu tư được ký kết và thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan.

**Điều 3. Mức bảo đảm thực hiện dự án**

1. Mức bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án đầu tư theo nguyên tắc lũy tiến từng phần như sau:

a) Đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng, mức bảo đảm là 3%;

b) Đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, mức bảo đảm là 2%;

c) Đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng, mức bảo đảm là 1%.

2. Vốn đầu tư của dự án được xác định để làm căn cứ tính mức bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp cho nhà nước và chi phí xây dựng các công trình thuộc dự án đầu tư mà nhà đầu tư có nghĩa vụ bàn giao cho nhà nước quản lý sau khi hoàn thành (nếu có). Trường hợp tại thời điểm ký kết Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư mà chưa xác định được chính xác các chi phí xây dựng các công trình bàn giao cho Nhà nước thì cơ quan đăng ký đầu tư căn cứ vào dự toán chi phí trong Đề xuất dự án do nhà đầu tư lập để xác định số tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

3. Giảm tiền bảo đảm thực hiện dự án:

Trừ các dự án không được áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật Đầu tư, nhà đầu tư được giảm tiền bảo đảm thực hiện dự án trong các trường hợp sau:

a) Giảm 25% đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/ 2021 của Chính phủ; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/ 2021 của Chính phủ.

b) Giảm 50% đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/ 2021 của Chính phủ; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Phụ lục III của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/ 2021 của Chính phủ; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**Điều 4. Hình thức, thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án**

1. Hình thức bảo đảm thực hiện dự án: Nhà đầu tư nộp tiền ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng) về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Nhà đầu tư thực hiện ký quỹ hoặc nộp chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng về nghĩa vụ ký quỹ sau khi được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư nhưng không được chậm quá 03 (ba) tháng kể từ khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá và trước khi tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp nhà đầu tư không tạm ứng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) nhưng không được chậm quá 03 (ba) tháng hoặc trước thời điểm ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đối với trường hợp nhà đầu tư đã tạm ứng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc trường hợp nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án thông qua đấu giá quyền sử dụng đất và được Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm) nhưng không được chậm quá 01 (một) tháng;

3. Thời hạn bảo đảm thực hiện dự án được tính từ thời điểm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điểm a khoản này đến thời điểm số tiền ký quỹ được hoàn trả cho nhà đầu tư hoặc được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc đến thời điểm chấm dứt hiệu lực của bảo lãnh.

4. Đối với dự án đầu tư gồm nhiều giai đoạn, việc nộp và hoàn trả số tiền ký quỹ hoặc nộp, điều chỉnh, chấm dứt bảo lãnh được áp dụng theo từng giai đoạn thực hiện dự án theo quy định tại Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án. Nhà đầu tư có thể chuyển số tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh còn lại của giai đoạn trước để bảo đảm thực hiện dự án cho giai đoạn tiếp theo mà không nhất thiết phải hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại hoặc chấm dứt hiệu lực của bảo lãnh của giai đoạn trước và nộp bổ sung số tiền chênh lệch giữa số tiền ký quỹ hoặc được bảo lãnh cho giai đoạn tiếp theo với số tiền ký quỹ hoặc được bảo lãnh của giai đoạn trước (nếu có).

5. Trường hợp nhà đầu tư ứng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được duyệt thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp số tiền đã ứng bằng hoặc lớn hơn mức bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 3 quy định này, nhà đầu tư không phải nộp ngay tiền ký quỹ hoặc chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng tại thời điểm quy định tại Điều 4 quy định này;

b) Trường hợp số tiền đã ứng thấp hơn mức bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 3 quy định này, nhà đầu tư phải nộp số tiền ký quỹ hoặc nộp chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng bằng phần chênh lệch giữa số tiền đã ứng với mức bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 3 quy định này tại thời điểm quy định tại Điều 4 quy định này;

c) Nhà đầu tư có tiền ký quỹ hoặc chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng được nộp trong các trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản này phải nộp tiền ký quỹ cho Cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều này khi dự án bị chậm tiến độ theo quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

6. Tiền bảo đảm thực hiện dự án được nộp vào tài khoản của cơ quan đăng ký đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận đối với dự án trong khu công nghiệp; Sở Công thương đối với dự án trong cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý) mở tại ngân hàng thương mại được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, do nhà đầu tư lựa chọn; nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản bảo đảm thực hiện dự án và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản. Trường hợp thực hiện nhiều dự án phải ký Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án với cùng một cơ quan đăng ký đầu tư, nhà đầu tư có thể thỏa thuận với cơ quan đăng ký đầu tư về việc sử dụng cùng một tài khoản để tiếp nhận tiền bảo đảm nghĩa vụ thực hiện dự án đối với các dự án được thực hiện tại địa bàn do cơ quan đó quản lý.

**Điều 5. Việc hoàn trả, điều chỉnh, chấm dứt nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án**

1. Hoàn trả 50% số tiền đã ký quỹ hoặc giảm 50% mức bảo lãnh tại thời điểm nhà đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc chấp thuận khác để thực hiện hoạt động xây dựng (nếu có);

2. Hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh từ số tiền ký quỹ (nếu có) hoặc chấm dứt hiệu lực của bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư đã hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng;

3. Trường hợp giảm vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư được hoàn trả số tiền ký quỹ tương ứng với số vốn đầu tư giảm theo quy định tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh;

4. Trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư nộp bổ sung số tiền ký quỹ hoặc bổ sung bảo lãnh ký quỹ của tổ chức tín dụng tương ứng với số vốn đầu tư tăng theo quy định tại quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh. Trường hợp đã được hoàn trả 50% tiền ký quỹ đã nộp trước khi điều chỉnh thì nhà đầu tư chỉ phải nộp số tiền bằng 50% số tiền ký quỹ phải nộp bổ sung;

5. Trường hợp dự án đầu tư không thể tiếp tục thực hiện vì lý do bất khả kháng hoặc do việc thực hiện thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do dự án phải điều chỉnh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp thay đổi quy hoạch thì nhà đầu tư được xem xét hoàn trả số tiền bảo đảm nghĩa vụ thực hiện dự án hoặc chấm dứt nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án.

6. Nhà đầu tư trong nước đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, khi điều chỉnh dự án không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/ 2021 của Chính phủ mà nội dung điều chỉnh làm thay đổi nội dung tại Thoả thuận bảo đảm thực hiện dự án, nhà đầu tư gửi văn bản thông báo cho Cơ quan đăng ký đầu tư trước khi điều chỉnh dự án đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư thực hiện điều chỉnh Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án phù hợp với nội dung điều chỉnh của dự án đầu tư.

7. Số tiền bảo đảm thực hiện dự án chưa được hoàn trả được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau:

a) Dự án bị chậm tiến độ đưa vào khai thác, vận hành theo quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép điều chỉnh tiến độ theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/ 2021 của Chính phủ;

b) Dự án bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư.

8. Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ, khi đến ngày hết hạn bảo lãnh mà nhà đầu tư không gia hạn hiệu lực của bảo lãnh và không có ý kiến của cơ quan đăng ký đầu tư về việc chấm dứt hiệu lực của bảo lãnh thì tổ chức tín dụng phải chuyển số tiền bảo lãnh vào tài khoản của cơ quan đăng ký đầu tư để tiếp tục ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án**

1. Hồ sơ hoàn trả tiền **bảo đảm thực hiện dự án**: Văn bản đề nghị hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư, báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo, đính kèm tài liệu liên quan đến khởi công xây dựng dự án hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị để vận hành dự án tương ứng với số tiền bảo đảm thực hiện dự án đề nghị hoàn trả.

Hồ sơ hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án nộp 05 bộ (trong đó có 01 bộ gốc) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp; nộp cho Sở Công thương đối với dự án trong cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý); nộp 02 bộ (trong đó có 01 bộ gốc) cho Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp.

2. Trường hợp hoàn trả 50% số tiền đã ký quỹ hoặc giảm 50% mức bảo lãnh quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này thì Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương căn cứ hồ sơ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn trả 50% số tiền đã ký quỹ hoặc giảm 50% mức bảo lãnh theo quy định.

3. Trường hợp hoàn trả số tiền bảo đảm thực hiện dự án quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này thì Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, nơi có nhà đầu tư thực hiện dự án tổ chức kiểm tra, lập biên bản đánh giá khối lượng hoàn thành; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn trả số tiền bảo đảm thực hiện dự án cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 5 Quyết định này.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức kiểm tra, đánh giá khối lượng hoàn thành; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn trả số tiền bảo đảm thực hiện dự án cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều này.

5. Căn cứ văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án, cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án cho nhà đầu tư theo Quyết định này.

**Điều 7.** **Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương

a) Công khai quy trình, mẫu biểu thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình để các đơn vị liên quan và các nhà đầu tư biết, thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án theo Quyết định này.

b) Theo dõi về bảo đảm thực hiện dự án, hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý tiền bảo đảm thực hiện dự án theo Quyết định này.

c) Tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp

a) Công khai quy trình, mẫu biểu thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình để các đơn vị liên quan và các nhà đầu tư biết, thực hiện bảo đảm thực hiện dự án theo Quyết định này. a) Theo dõi về ký quỹ, hoàn trả tiền ký quỹ, kiến nghị xử lý tiền ký quỹ theo Quyết định này.

b) Theo dõi về bảo đảm thực hiện dự án, hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý tiền bảo đảm thực hiện dự án theo Quyết định này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo đúng quy định của Luật Đất đai và Quyết định này.

4. Sở Tài chính: Theo dõi, quản lý, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng số tiền bảo đảm thực hiện dự án của các dự án bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để chi theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ký quỹ có trách nhiệm

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ các thủ tục ký quỹ, xác nhận bằng văn bản việc ký quỹ cho các nhà đầu tư theo quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

b) Quản lý tiền ký quỹ trong thời gian thực hiện việc ký quỹ của nhà đầu tư và chỉ hoàn trả lại tiền ký quỹ sau khi có thông báo bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cơ quan có thẩm quyền theo quy định này.

c) Trường hợp bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ, tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp số tiền ký quỹ mà nhà đầu tư phải nộp trong trường hợp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 5 Quy định này.

d) Định kỳ hàng quý và cả năm, ngân hàng nơi mở tài khoản ký quỹ có trách nhiệm phối hợp và cung cấp số liệu tình hình thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư của các nhà đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh để biết và phối hợp thực hiện.

**Điều 8. Trách nhiệm của nhà đầu tư và xử lý vi phạm**

1. Triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ được duyệt, thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án theo Quyết định này.

Quá thời gian quy định phải nộp tiền bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 4 Quyết định này mà nhà đầu tư chưa thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý dự án theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận không chịu trách nhiệm bồi hoàn bất kỳ thiệt hại nào của nhà đầu tư liên quan đến việc thực hiện dự án.

2. Dự án bị chậm tiến độ đưa vào khai thác, vận hành theo quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì Nhà đầu tư thực hiện thủ tục hồ sơ trình điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trường hợp dự án không được điều chỉnh thì số tiền bảo đảm thực hiện dự án và tiền lãi tương ứng sẽ được thu nộp vào ngân sách tỉnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chấm dứt việc triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Đối với các dự án có sử dụng đất đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa triển khai các thủ tục về đất đai, xây dựng, hoặc xin gia hạn thời gian thực hiện dự án, phải thực hiện bảo đảm thực hiện dự án theo Quyết định này”.

**Điều 9.** **Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2021 (thi hành sau 10 ngày) kể từ ngày ký ban hành); thay thế Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 và Quyết định số 69/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 9;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Ngân hàng NN Việt Nam;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);  - Vụ pháp chế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);  - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;  - Thường trực HĐND các huyện, TP;  - Báo Ninh Thuận, Đài PT&TH tỉnh;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông;  - VPUB; | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN **CHỦ TỊCH**  **Trần Quốc Nam** |